

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 19-5-2023

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Đào.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;
- Ông Trần Văn Thạch.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **42/2023/QĐXXST-DS** ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh **Cao Minh Tr**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số X hẻm Y khu phố L, phường LT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm: 1972; ông **Trương Văn H**, sinh năm 1968; cùng địa chỉ đăng ký thường trú: Số o, hẻm T đường V, ấp Tr, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; Cùng địa chỉ tạm trú: T Tòa nhà chung cư L TT, khu phố P, phường L, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- ***Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông H:*** Ông **Võ Văn D**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số R, phường T D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – nguyên đơn anh Cao Minh Tr trình bày:***

Anh Tr cho bà Th, ông H vay tiền nhiều lần từ năm 2019, lãi suất 2%/tháng, không thế chấp tài sản, cụ thể như sau:

Các khoản vay có giấy nợ (tổng số tiền 1.400.000.000 đồng) gồm: Số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 16/7/2019, thời hạn vay 04 tháng; số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ngày 16/9/2019, thời hạn là 01 tháng; số tiền vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) vào ngày 16/7/2021 AL, thời hạn vay là 12 tháng.

Các khoản vay chuyển khoản vào số tài khoản của bà Th tại Ngân hàng ACB – PGD Long Hoa từ 04/5/2022 - 24/6/2022 (tổng số tiền là 750.000.000 đồng) gồm: Số tiền 200.000.000 đồng ngày 04/5/2022; số tiền 150.000.000 đồng ngày 20/5/2022; số tiền 400.000.000 đồng ngày 16/6/2022, tất cả cùng nội dung chuyển tiền ghi: “CAO MINH TR CHO MUON”.

Như vậy, tổng số tiền bà Th, ông H vay là 2.150.000.000 đồng. Riêng các khoản tiền anh Tr chuyển cho bà Th ngày 19/5/2022 (450.000.000 đồng) nội dung “CHUYEN TRA” và ngày 24/6/2022 (400.000.000 đồng) nội dung “NHORUTGIUM” xác định không phải tiền cho vay, không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 14/7/2022, anh Tr có nhận tổng số tiền 1.063.000.000 đồng do bà Th chuyển khoản trả qua số tài khoản, cụ thể: Ngày 28/4/2022 bà Th chuyển số tiền 400.000.000 đồng, ngày 29/4/2022 bà Th chuyển số tiền 200.000.000 đồng, ngày 04/7/2022 bà Th chuyển số tiền 405.000.000 đồng, ngày 13/6/2022 bà Th chuyển 20.000.000 đồng, ngày 30/6/2022 bà Th chuyển 8.000.000 đồng, ngày 14/7/2022 bà Th chuyển 30.000.000 đồng.

Như vậy tính đến thời điểm hiện tại, bà Th còn nợ anh Tr 2.150.000.000 đồng – 1.063.000.000 đồng = 1.087.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền, bà Th có đóng lãi cho anh Tr đến khoảng đầu năm 2022 thì ngưng nhưng anh không nhớ rõ số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu, anh Tr không yêu cầu tính lại tiền lãi.

Do mục đích bà Th vay tiền để cho người khác vay lại kiếm lời và để chi tiêu sinh hoạt, đầu tư chung trong gia đình, trong đó có việc đầu tư kinh doanh mua bán vỏ xe tại xã Tr, thị xã Hòa Thành. Nay anh Tr yêu cầu bà Th, ông H cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh Tr, không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Văn D trình bày:

Bà Th thừa nhận do cần tiền trả nợ cá nhân nên nhiều lần vay mượn tiền của anh Tr từ năm 2019 đến năm 2022, thống nhất chứng cứ gồm các giấy vay tiền và

chứng từ chuyển khoản do anh Tr cung cấp trong hồ sơ vụ án, khi vay không thể chấp tài sản. Tính đến ngày xét xử 19/5/2023, sau khi khấu trừ tất cả các khoản tiền bà Th đã chuyển trả thì bà Th còn nợ anh Tr tổng số tiền 1.087.000.000 (một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu) đồng, ngoài ra bà Th không còn khoản nợ nào khác đối với anh Tr.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Th, ông H cùng xác định ông H không biết, không ký tên trong giấy vay tiền, không sử dụng khoản tiền vay. Bà Th sử dụng tiền vay không vì mục đích phục vụ đời sống chung trong gia đình, không liên quan đến ông H. Việc đầu tư mở cửa hàng kinh doanh mua bán vỏ xe ô tô do ông H tự xoay sở tiền bạc, không phải dùng tiền vay mượn của anh Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ buộc một mình bà Th trả số nợ 1.087.000.000 đồng cho anh Tr, ông H không có nghĩa vụ trả khoản nợ này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Th, ông H có nghĩa vụ trả cho anh Tr số tiền 1.087.000.000 đồng, xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Cao Minh Tr thấy rằng:

[1.1] Anh Tr cho bà Th vay tiền nhiều lần không thể chấp tài sản, cụ thể:

Các khoản vay giao tiền mặt có ghi giấy nợ gồm: Số tiền 200.000.000 đồng ngày 16/7/2019, số tiền 200.000.000 đồng ngày 16/9/2019, số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 16/7/2021 và các khoản vay chuyển khoản vào tài khoản bà Phạm Thị Th với nội dung “Cao Minh Tr cho mượn” gồm: số tiền 200.000.000 đồng ngày 04/5/2022, số tiền 150.000.000 đồng ngày 20/5/2022 và số tiền 400.000.000 đồng ngày 16/6/2022, tổng số tiền anh Tr đã cho bà Th, ông H vay là 2.150.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 14/7/2022 bà Th nhiều lần chuyển khoản trả tiền cho

anh Tr với tổng số tiền 1.063.000.000 đồng, sau khi khấu trừ, bà Th, ông H còn nợ anh số tiền 1.087.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, anh Tr yêu cầu bà Th, ông H trả cho anh số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, anh Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định số nợ bà Th, ông H còn nợ là 1.087.000.000 đồng và yêu cầu cả hai vợ chồng có nghĩa vụ trả số tiền này cho anh, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Thị Th, Trương Văn H thống nhất số nợ 1.087.000.000 đồng đối với anh Tr, thống nhất các chứng cứ bao gồm giấy nhận nợ và chuyển khoản do anh Tr cung cấp nên yêu cầu về số tiền còn nợ 1.087.000.000 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu đồng) của anh Tr là có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn anh Tr yêu cầu cả hai vợ chồng bà Th, ông H cùng có nghĩa vụ trả số tiền 1.087.000.000 đồng nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày chỉ đồng ý bà Th có nghĩa vụ trả nợ cho anh Tr.

Xét thấy, tuy ông H không ký tên vào các giấy nợ, không trực tiếp nhận tiền vay nhưng bà Th và ông H là vợ chồng, cư trú cùng địa chỉ, các bên trình bày mục đích sử dụng tiền vay không thống nhất nhưng cùng xác định bà Th không làm ăn kinh doanh riêng, vợ chồng có mở cửa hàng mua bán vỏ xe tại xã Trường Hòa vào đầu năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của bà Th cho rằng toàn bộ tiền vay được từ anh Tr dùng để trả nợ riêng cho bà Th trong thời kỳ hôn nhân nhưng không cung cấp được chứng cứ khoản nợ với ai và bao nhiêu, mục đích vay nợ đó để làm gì, do đó, cần buộc ông H cùng bà Th có nghĩa vụ trả số tiền 1.087.000.000 đồng cho anh Tr là phù hợp.

Anh Tr không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Tr được chấp nhận nên bà Th, ông H phải chịu án phí với số tiền $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 287.000.000 \text{ đồng}) = 36.000.000 \text{ đồng} + 8.610.000 \text{ đồng} = 44.610.000 \text{ đồng}$, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh Tr theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Minh Tr đối với bà Phạm Thị Th, ông Trương Văn H.

Buộc bà Phạm Thị Th, anh Trương Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Cao Minh Tr số tiền là 1.087.000.000 (một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Th, ông H không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Th, ông H còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Th, ông Trương Văn H phải chịu 44.610.000 đồng .

Hoàn trả cho anh Cao Minh Tr số tiền tạm ứng án phí 27.000.000 đồng theo theo biên lai thu số 0021075 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.